

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST.

Ngày: 21/08/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay T sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 197/2020/TLST- DS ngày 04/11/2020 về tranh chấp hợp đồng vay T sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:31/2021/QĐXXST-DS ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Ngô Văn N , sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: ông Dương Tuấn T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Vạn Thạch, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Tạ Thị T, sinh năm 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Vân Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Trần Thị Mai H, sinh năm 1991(Vợ anh T) (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Vạn Thạch, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn là ông Ngô Văn N trình bày: Do là chỗ quen biết với nhau nên ông có cho anh Dương Tuấn T sinh năm 1984, thường trú tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang vay tiền hai lần cụ thể:

+ Ngày 26/12/2017 (Âm lịch) tức ngày 11/02/2018 (Dương lịch) ông có cho anh Dương Tuấn T vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/12/2018 sẽ thanh toán cả gốc và lãi; lãi suất theo thỏa thuận của ngân hàng.

+ Ngày 13/7/2018 (Âm lịch) tức ngày 23/8/2018 (Dương lịch) ông cho anh anh Dương Tuấn T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/12/2018 sẽ thanh toán đầy đủ cho ông cả gốc và lãi; lãi suất theo thỏa thuận ngân hàng.

Tổng số tiền ông cho anh T vay là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), khi vay hai bên có lập giấy tờ vay mượn đầy đủ và anh T đã ký vào giấy vay tiền khi nhận tiền. Đến hạn trả nợ là ngày 30/12/2018 anh T không trả hai khoản tiền đã vay và chưa trả cho ông đồng tiền lãi nào. Ông đã nhiều lần đòi tiền anh T nhưng anh T không trả tiền cho ông nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Tuấn T phải trả cho ông số tiền gốc là 80 triệu đồng cùng số tiền lãi ông yêu cầu Tòa án tính theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ khi vay cho đến nay.

Phía bị đơn: Anh Dương Văn T khi Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình anh T thì đã được Cơ quan Công an xã Hoàng Vân xác nhận anh T hiện vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về và cũng không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của anh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Tạ Thị T trình bày: số tiền ông Ngô Văn N cho anh Dương Tấn T vay như ông N đã trình là đúng và bà xác nhận số tiền đó là của vợ chồng bà. Bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn N và buộc anh Dương Tấn T phải có trách nhiệm trả vợ chồng bà số tiền gốc là 80 triệu đồng cùng với số tiền lãi là 0,75%/tháng của số tiền gốc từ khi vay cho đến nay. Do bà T không thể tham dự các buổi làm việc cũng như xét xử tại Tòa án, bà T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Trần Mai H khi Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình chị H thì đã được Cơ quan Công an xã Hoàng Vân xác nhận chị H hiện vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về và cũng không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của chị H.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn là anh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; 35, 39, Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn N buộc anh Dương Tuấn T phải trả số tiền 80.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng tính từ thời điểm vay tiền đến ngày xét xử là 24.445.000 đồng, trong đó tiền lãi đối với khoản vay ngày 23/8/2018 là 5.390.000 đồng, đối với khoản vay ngày 11/02/2018 là 19.065.000 đồng.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Ngô Văn N và bà Tạ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn N HĐXX xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay T sản được quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Tại phiên tòa vắng mặt anh Dương Tuấn T, chị Trần Thị Mai H (Chị H và anh T đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết công khai); Chị Tạ Thị T (Vợ anh Ngô Văn N) vắng mặt nhưng chị T có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Trong quá trình Tòa án tiến hành xác minh và giao các văn bản tố tụng có đủ căn cứ để xác định anh Dương Tuấn T và chị Trần Mai H đều vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án cũng không thể xác định được thời điểm trở về và cũng không rõ địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh T và chị H. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành lập biên bản với Công an xã Hoàng Vân về việc không thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, chị H được và Công an xã Hoàng Vân đã xác nhận sự việc trên. Căn cứ vào định tại Điều 179 BLTTDS Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định của pháp luật và xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. Về số tiền gốc: Căn cứ vào hai giấy biên nhận vay tiền do ông Ngô Văn N cung cấp và các biên bản làm việc của ông N tại Tòa án có đủ cơ sở để kết luận anh Dương Tuấn T có vay của ông Ngô Văn N hai lần tiền là đúng. Khi vay hai bên có giấy biên nhận và hạn trả nợ nhưng anh T đã không thực hiện như cam kết nên ông

Ngô Văn N khởi kiện anh T phải có trách nhiệm trả cho ông N số tiền gốc 80 triệu là có căn cứ.

Về số tiền lãi: Trong hai giấy vay tiền ông Ngô Văn N cung cấp thì hai bên có ghi tại mục tiền lãi do hai bên thỏa thuận và thời gian trả tiền lãi được thực hiện theo hàng tháng. Tại phiên tòa, ông N yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Tuấn T phải trả cho ông với mức lãi là 0,75%/tháng với hai số tiền anh T đã vay của ông. HĐXX xét thấy, yêu cầu của ông N là chính đáng cần xác định hợp đồng vay tiền giữa ông N và anh T là hợp đồng vay tiền có lãi và mức lãi ông N đưa ra không vi phạm về mức lãi suất pháp luật đã cấm nên cần chấp nhận là có căn cứ.

Vì thế, tổng số tiền lãi của hai khoản tiền được tính như sau:

- Đối với khoản vay nợ ngày 26/12/2017 (Âm lịch) tức ngày 11/02/2018 (Dương lịch) số tiền lãi anh T phải trả cho ông N là:

$60.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\% \times 42 \text{ tháng} = 19.065.000 \text{ đồng}$

- Đối với khoản vay nợ 20.000.000 đồng ngày 13/7/2018 (Âm lịch) tức ngày 23/8/2018 (Dương lịch) Anh T phải trả cho ông N số tiền lãi là:

$20.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\% \times 35 \text{ tháng} = 5.390.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi là: 24.455.000 đồng (hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi năm nghìn đồng).

[4] Về trách nhiệm liên đới: Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T vay nợ không có chữ ký của chị Trần Thị Mai H và tại phiên tòa ông Ngô Văn N chỉ yêu cầu một mình anh Dương Tuấn T phải trả cho vợ chồng ông N tiền nợ gốc và tiền nợ lãi. Vì vậy cần buộc cá nhân anh Dương Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn N và bà Tạ Thị T tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là có căn cứ.

[5] Về án phí: Anh Dương Tuấn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, ông Ngô Văn N và bà Tạ Thị T không phải chịu án phí DSST cần hoàn trả ông N và bà Tạ Thị T số tiền tạm ứng án phí do ông N đã nộp là có căn cứ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn N.

Buộc anh Dương Tuấn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn N và bà Tạ Thị T tổng số tiền là: 104.455.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu, bốn trăm năm

mười năm nghìn đồng) (Trong đó số tiền gốc là 80.000.000đồng và số tiền lãi là: 24.455.000đồng).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Về án phí: Anh Dương Tuấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.220.000(Năm triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng);

Hoàn trả ông Ngô Văn N số tiền 2.400.000đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0000415 ngày 04/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa (2 b);
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương Lan